TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16 /2020/HS-ST
Ngày 28 tháng 4 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hảo

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Ngọc Biên

2. Bà Nguyễn Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Tuyên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn L, sinh năm 1993 tại Bắc Giang; tên gọi khác:L; Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; có vợ là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1994 và 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 05/01/2020 đến ngày 08/01/2020 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại. (Có mặt tại phiên toà)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

- *Người chứng kiến:* Anh Trần Hữu TH, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 20 phút ngày 05/01/2020, tại đường liên thôn thuộc thôn N, xã Nhuyện Y, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y bắt quả tang Nguyễn Văn L, sinh năm 1993 ở Thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có hành vi tàng trữ hàng cấm. Vật chứng thu giữ gồm: 13 hộp pháo (nghi là pháp nổ), kích thước mỗi hộp là (15x15x15)cm, dưới đáy mỗi hộp đều có chữ ký của Nguyễn Văn L, tổng khối lượng là 17,6 kg; 01 điện thoại di động Iphone 8Plus màu vàng; 4.490.000 đồng; 01 xe ô tô Biển kiểm soát 98A-XXX (Kiểm tra bên trong xe ô tô không có đồ vật, tài sản gì).

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại nơi ở của Nguyễn Văn L, cơ quan điều tra không thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Tại bản kết luận giám định số 110/C09-P2 ngày 06/01/2020 của Viện khoa học hình sự, Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an kết luận: "Các mẫu vật gửi giám định đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây ra tiếng nổ. Tổng khối lượng là 17,6 kg".

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn L khai nhận: Buổi sáng ngày 05/01/2020, L điều khiển xe ô tô Biển kiểm soát 98A-XXX là xe ôtô của ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970 ở Thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (ông T là bố đẻ của L) đi từ nhà lên huyện H, tỉnh Lạng Sơn để tìm mua xe ô tô cũ về tháo bán sắt vụn. Đến trưa cùng ngày, L chưa tìm được xe ô tô cũ để mua nên tìm đường đi ra ngã tư M, thị trấn H để ăn cơm. Trên đường đi, linh gặp một người đàn ông, L không biết tên tuổi, địa chỉ khoảng 30 tuổi, sau khi hỏi và được người đàn ông đó chỉ đường. Do biết khu vực này có pháo nổ do trung Quốc sản xuất bán, nên L nảy sinh ý định mua pháo nổ đem về đốt dịp tết nguyên đán, sau khi được người đàn ông đó chỉ đường, L hỏi người đàn ông đó có pháo bán không? Thì người đàn ông đó trả lời là có. Sau khi trao đổi và thỏa thuận, L đặt mua 13 hộp pháo, giá 300.000 đồng/hộp, người đàn ông bảo L đi đâu đó đến khoảng 18 giờ cùng ngày đến ngã tư M để giao nhận hàng. Sau đó L tiếp tục đi mua xe ô tô cũ, đến khoảng 18 giờ cùng ngày, L điều khiển xe ô tô đến ngã tư M, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn đợi khoảng 30

phút thì người đàn ông Lhỏi mua pháo lúc trước đến giao cho L 01 bao tải bên trong đựng 13 hộp pháo, L trả cho người đàn ông 3.900.000 đồng rồi cất dấu pháo trên xe ô tô và điều khiển đi từ ngã tư M, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn về Bắc Giang. Trên đường về do cần mua một số đồ dùng cá nhân ở Bắc Ninh, nên L chưa điều khiển xe ô tô về nhà mà điều khiển xe ô tô đi Bắc Ninh. Trên đường đi do thấy nhiều Công an giao thông đang kiểm tra trên đường, sợ bị kiểm tra phát hiện, nên khi đi đến cầu vượt thuộc thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (ngã tư tử thần), L điều khiển xe ô tô rẽ phải để lên cầu vượt đi đến đường liên thôn thuộc thôn N, xã N huyện Y đỗ xe ở bãi đất trống cạnh đường để cất dấu pháo. Khi L đang vận chuyển pháo để cất dấu thì bị quần chúng nhân dân phát hiện báo Công an đến lập biên bản quả tang, thu giữ vật chứng.

- Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông đã nhận lại xe ô tô, ông không có yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố những lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người chứng kiến có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai của những người này.

Bản Cáo trạng số 18/CT-VKSYD ngày 23 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội "Tàng trữ hàng cấm" theo điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Tàng trữ hàng cấm".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1, 4 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã D, thành phố B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp bìa cát tông bên trong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

- Trả lại bị cáo số tiền 4.490.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận và nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được lỗi, hứa không bao giờ tái phạm và xin được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên và Kiểm sát viên thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và biên bản bắt người phạm tội quả tang đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 20 giờ 20 phút ngày 05/01/2020, bị cáo có hành vi tàng trữ 17,6 kg pháo có chứa thuốc pháo, khi đốt phát ra tiếng nổ nhằm mục đích sử dụng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, tàng trữ, vận chuyển

pháo, gây mất trật tự trị an tại địa phương, đe dọa tính mạng sức khỏe. Do đó, cần xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội này.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cần xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Xét về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng , tỏ ra rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù giam, cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[9] Đối với người đàn ông bán pháo cho bị cáo L do bị cáo khai không biết họ tên, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để điều tra xử lý.

[10] Về vật chứng của vụ án:

[10.1] Đối với chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 98A-XXX bị cáo dùng để trở pháo, qua điều tra xác định là xe của ông Nguyễn Văn T là bố đẻ của bị cáo. Chiếc điện thoại di động Iphone 8plus của chị Nguyễn Thị A là vợ bị cáo. Ngày 08/01/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại ông T, chị A chiếc xe ô tô và chiếc điện thoại di động

[10.2] Đối với 01 hộp bìa cát tông bên trong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định, cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10.3] Đối với số tiền 4.490.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, do vậy cần trả lại bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của

pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L (tên gọi khác L) phạm tội "Tàng trữ hàng cấm"

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1, 4 Điều 191; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

3. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L (tên gọi khác Long) 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Uỷ ban nhân dân xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

4. Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

5.1. Tịch thu tiêu hủy 01 hộp bìa cát tông bên trong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định.

5.2. Trả lại bị cáo số tiền 4.490.000 đồng nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Y theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ-VKS ngày 23/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y).

6. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

7. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Ngọ Thị Thanh Hảo